TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 111/2024/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 24 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Huỳnh Thủy Tiên.

Thư ký phiên họp: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 200/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc "Yêu cầu xác định cha cho con" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Lương Thị H, sinh năm: 1961; Nơi ĐKHKTT: Số A B, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Số mới: C, phường A, quận B,Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký tạm trú: Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Lương Ngọc T, sinh năm: 1959;

2/ Ông Trương Ngọc (Văn) S, sinh năm: 1968;

3/ Ông Lương Văn T1, sinh năm: 1971;

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 12/3/2024 và tại phiên họp, người yêu cầu bà Lương Thị H trình bày như sau:

Bà H là con của cụ Trương Thị U, sinh năm 1930, chết năm 2016 và cụ Lương Văn T2, sinh năm 1922, chết năm 1984. Trong thời gian chung sống với nhau, cụ U và cụ T2 có 04 người con chung gồm: ông Lương Ngọc T, sinh năm 1959; bà Lương Thị H, sinh năm 1961; ông Trương Ngọc (Văn) S, sinh năm 1968 và ông Lương Văn T1, sinh năm 1971. Ngoài ra, cụ U và cụ T2 không có người con chung hoặc con riêng nào khác.

Bà H sống cùng cụ U và cụ T2 từ nhỏ cho đến khi lấy chồng thì vẫn tới lui thăm nom cha mẹ.

Từ trước đến nay, bà H đều sử dụng họ và tên là Lương Thị H và các giấy tờ nhân thân khác của bà H đều là Lương Thị H nhưng cách nay khoảng 02 tháng khi bà H đi trích lục giấy khai sinh thì mới phát hiện trong giấy khai sinh của bà H không có họ tên cha, họ của bà H là họ Trương theo họ mẹ chứ không phải họ Lương. Người đi khai sinh cho bà H ghi là Lương Văn Tú nhưng đây là do lỗi ghi chép chứ người đi khai sinh cho bà H là ông Lương Văn T2 và những người thân trong gia đình cũng không ai tên Lương Văn Tú. Trước đó, bà H cũng không biết trên giấy khai sinh của bà H là mang họ Trương chứ không phải họ Lương theo họ của cha. Bà không biết vì sao trong Giấy khai sinh của bà H không có họ tên cha.

Bà H yêu cầu Tòa án xác định cụ Lương Văn T2 là cha của bà để bà làm thủ tục điều chỉnh giấy khai sinh của bà theo họ của cha.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 12/4/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Ngọc T trình bày như sau:

Ông là con của cụ Trương Thị U, sinh năm 1930, chết năm 2016 và cụ Lương Văn T2, sinh năm 1922, chết năm 1984. Trong thời gian chung sống với nhau, cụ U và cụ T2 có 04 người con chung gồm: ông Lương Ngọc T, sinh năm 1959; bà Lương Thị H, sinh năm 1961; ông Trương Ngọc (Văn) S, sinh năm 1968 và ông Lương Văn T1, sinh năm 1971. Ngoài ra, cụ U và cụ T2 không có người con chung hoặc con riêng nào khác.

Bà H sống cùng cụ U và cụ T2 từ nhỏ cho đến khi lấy chồng thì vẫn tới lui thăm nom cha mẹ.

Từ trước đến nay, bà H đều sử dụng họ và tên là Lương Thị H và các giấy tờ nhân thân khác của bà H đều là Lương Thị H nhưng cách nay khoảng 02 tháng khi bà H đi trích lục giấy khai sinh thì mới phát hiện trong giấy khai sinh của bà H không có họ tên cha, họ của bà H là họ Trương theo họ mẹ chứ không phải họ Lương. Người đi khai sinh cho bà H ghi là Lương Văn Tú nhưng đây là do lỗi ghi chép chứ người đi khai sinh cho bà H là ông Lương Văn T2 và những người thân trong gia đình cũng không ai tên Lương Văn Tú. Trước đó, ông cũng không biết trên giấy khai sinh của bà H là mang họ Trương chứ không phải họ Lương theo họ của cha. Ông không biết vì sao trong Giấy khai sinh của bà H không có họ tên cha.

Ông xác định bà Lương Thị H, sinh ngày 05/09/1961 theo căn cước công dân số 080161000512 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/02/2022 và bà Trương Thị Hòa, sinh ngày 05/9/1961 theo Giấy khai sinh số 2036/GKS-BS do Ủy ban nhân dân huyện C sao từ Sổ đăng ký khai sinh ngày 25/12/2023 là con ruột của cụ Trương Thị U và cụ Lương Văn T2, là em ruột của ông T.

Với yêu cầu xác định cha cho con của bà H thì ông T thống nhất với yêu cầu của bà H, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà H.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 12/4/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Ngọc (Văn) S trình bày như sau:

Ông là con của cụ Trương Thị U, sinh năm 1930, chết năm 2016 và cụ Lương Văn T2, sinh năm 1922, chết năm 1984. Trong thời gian chung sống với nhau, cụ U và cụ T2 có 04 người con chung gồm: ông Lương Ngọc T, sinh năm 1959; bà Lương Thị H, sinh năm 1961; ông Trương Ngọc (Văn) S, sinh năm 1968 và ông Lương Văn T1, sinh năm 1971. Ngoài ra, cụ U và cụ T2 không có người con chung hoặc con riêng nào khác.

Bà H sống cùng cụ U và cụ T2 từ nhỏ cho đến khi lấy chồng thì vẫn tới lui thăm nom cha mẹ.

Họ trong giấy khai sinh của ông và các giấy tờ tùy thân khác đều là họ "Trương" do ông theo họ mẹ.

Từ trước đến nay, bà H đều sử dụng họ và tên là Lương Thị H và các giấy tờ nhân thân khác của bà H đều là Lương Thị H nhưng cách nay khoảng 02 tháng khi bà H đi trích lục giấy khai sinh thì mới phát hiện trong giấy khai sinh của bà H không có họ tên cha, họ của bà H là họ Trương theo họ mẹ chứ không phải họ Lương. Người đi khai sinh cho bà H ghi là Lương Văn Tú nhưng đây là do lỗi ghi chép chứ người đi khai sinh cho bà H là ông Lương Văn T2 và những người thân trong gia đình không ai tên Lương Văn Tú. Trước đó, ông cũng không biết trên giấy khai sinh của bà H là mang họ Trương chứ không phải họ Lương theo họ của cha. Ông không biết vì sao trong Giấy khai sinh của bà H không có họ tên cha.

Ông xác định bà Lương Thị H, sinh ngày 05/09/1961 theo căn cước công dân số 080161000512 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/02/2022 và bà Trương Thị Hòa, sinh ngày 05/9/1961 theo Giấy khai sinh số 2036/GKS-BS do Ủy ban nhân dân huyện C sao từ Sổ đăng ký khai sinh ngày 25/12/2023 là con ruột của cụ Trương Thị U và cụ Lương Văn T2, là chị ruột của ông S.

Với yêu cầu xác định cha cho con của bà H thì ông S thống nhất với yêu cầu của bà H, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà H.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 12/4/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn T1 trình bày như sau:

Ông là con của cụ Trương Thị U, sinh năm 1930, chết năm 2016 và cụ Lương Văn T2, sinh năm 1922, chết năm 1984. Trong thời gian chung sống với nhau, cụ U và cụ T2 có 04 người con chung gồm: ông Lương Ngọc T, sinh năm 1959; bà Lương Thị H, sinh năm 1961; ông Trương Ngọc (Văn) S, sinh năm 1968 và ông Lương Văn T1, sinh năm 1971. Ngoài ra, cụ U và cụ T2 không có người con chung hoặc con riêng nào khác.

Bà H sống cùng cụ U và cụ T2 từ nhỏ cho đến khi lấy chồng thì vẫn tới lui thăm nom cha mẹ.

Từ trước đến nay, bà H đều sử dụng họ và tên là Lương Thị H và các giấy tờ nhân thân khác của bà H đều là Lương Thị H nhưng cách nay khoảng 02 tháng khi bà H đi trích lục giấy khai sinh thì mới phát hiện trong giấy khai sinh của bà H không có họ tên cha, họ của bà H là họ Trương theo họ mẹ chứ không phải họ Lương. Người đi khai sinh cho bà H ghi là Lương Văn Tú nhưng đây là do lỗi ghi chép chứ người đi khai sinh cho bà H là ông Lương Văn T2 và những người thân trong gia đình không ai tên Lương Văn Tú. Trước đó, ông cũng không biết trên giấy khai sinh của bà H là mang họ Trương chứ không phải họ Lương theo họ của cha. Ông không biết vì sao trong Giấy khai sinh của bà H không có họ tên cha.

Ông xác định bà Lương Thị H, sinh ngày 05/09/1961 theo căn cước công dân số 080161000512 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/02/2022 và bà Trương Thị Hòa, sinh ngày 05/9/1961 theo Giấy khai sinh số 2036/GKS-BS do Ủy ban nhân dân huyện C sao từ Sổ đăng ký khai sinh ngày 25/12/2023 là con ruột của cụ Trương Thị U và cụ Lương Văn T2, là chị ruột của ông T1.

Với yêu cầu xác định cha cho con của bà H thì ông T1 thống nhất với yêu cầu của bà H, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn; Thẩm phán Chủ tọa phiên họp, thư ký phiên họp đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ việc: Xét nội dung yêu cầu và các tình tiết của vụ việc nhận thấy:

Căn cứ quy định tại các Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 88, 90 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị giải quyết theo hướng: chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lương Thị H, cụ thể:

- Xác nhận cụ Lương Văn T2, sinh năm 1922 chết năm 1984, nơi cư trú trước khi chết Ấp D, xã L, huyện C là cha của bà Lương Thị H.

- Lệ phí việc dân sự sơ thẩm: bà Lương Thị H là người cao tuổi nên được miễn lệ phí việc dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] Bà Lương Thị H có nơi cư trú tại ấp D, xã L, huyện C yêu cầu xác định cụ Lương Văn T2 là cha của bà H là việc dân sự yêu cầu xác định cha cho con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 10 Điều 29, điểm t khoản 2 Điều 39, Điều 361 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Ngọc T, ông Trương Ngọc (Văn) S, ông Lương Văn T1 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của người yêu cầu tại phiên họp, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C. Xét thấy, cụ Lương Văn T2, sinh năm 1922, chết năm 1984 và cụ Trương Thị U, sinh năm 1930, chết năm 2016 chung sống với nhau sinh ra 04 người con chung gồm: ông Lương Ngọc T, sinh năm 1959; bà Lương Thị H, sinh năm 1961; ông Trương Ngọc (Văn) S, sinh năm 1968 và ông Lương Văn T1, sinh năm 1971. Theo trích lục khai sinh của bà H không thể hiện họ tên cha là cụ Lương Văn T2 mà chỉ có họ tên mẹ là cụ Trương Thị U. Tuy nhiên, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận bà H là con ruột của cụ T2 và cụ U, là chị em ruột cùng cha cùng mẹ với ông T, ông S, ông T1. Do đó, việc bà H yêu cầu xác định cụ Lương Văn T2 là cha của bà H là có căn cứ và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, nên áp dụng Điều 88, 90 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu của bà H và xác định cụ Lương Văn T2 là cha của bà H.

[4] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: bà H phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm nhưng bà H là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn tạm ứng lệ phí, lệ phí nên thuộc trường hợp miễn lệ phí theo quy định tại Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 361, 367, 370 và 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 88, 90 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của cụ Lương Thị H về việc yêu cầu xác định cha cho con.

Xác định cụ Lương Văn T2, sinh năm 1922, chết năm 1984, nơi cư trú trước khi chết Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An là cha của bà Lương Thị H ((tên trong Giấy khai sinh là Trương Thị Hòa; nơi đăng ký khai sinh: xã L, Tổng Lộc Thành Thượng, Quận C, tỉnh Long An; ngày, tháng, năm đăng ký: 08/9/1961).

2. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm: bà Lương Thị H được miễn lệ phí việc dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Huỳnh Thủy Tiên